

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HS-ST

Ngày: 13 - 5 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Gái;
Ông Lê Vĩnh Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xét xử số 01 - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Quý T sinh ngày: 30/12/1984, tại Quảng Trị; nơi đăng ký thường trú: khu phố 9, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; nơi ở hiện tại: khu phố Lương An, phường Đông Lễ, Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thái H, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1959; vợ Lê Thị L, sinh năm 1989 (ly hôn 2014, chết năm 2022); con Lê Văn Quý Anh, sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/02/2023 đến ngày 06/10/2023 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”; có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Hoàng Xuân N, sinh năm 1980; nơi cư trú: thôn 1 A, xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Ông Lê Văn Q, sinh năm 1988; nơi cư trú: 45 Ngô Sỹ Liên, phường 2, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; có mặt;

3. Anh Võ Đại V, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn Xuân Thọ, xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt;

4. Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn 1 A, xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt;

5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; nơi cư trú: khóm Trung Chín, thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 06/02/2023, Công an phường 2, thành phố Đông Hà tiếp một người đàn ông quốc tịch Trung Quốc tên Tong Zhi Feng (Đồng Chi Phong) đến trình báo về việc Tong Zhi Feng cùng một nhóm người Trung Quốc bị đưa từ Trung Quốc sang Việt Nam để tiếp tục qua nước thứ ba. Do sợ bị buôn người nên Tong Zhi Feng bỏ trốn khỏi nhóm người Trung Quốc đi tìm lực lượng chức năng Việt Nam để trình báo. Sau khi tiếp nhận thông tin, lực lượng chức năng đã áp dụng biện pháp nghiệp vụ tiến hành kiểm tra nhà nghỉ Hong Kong phát hiện có 07 người đàn ông quốc tịch Trung Quốc, sinh từ năm 1994 đến 2004, không có hộ chiếu, đang lưu trú tại đây. Qua đấu tranh ghi lời khai quản lý nhà nghỉ và khai thác dữ liệu điện tử, lực lượng chức năng phát hiện, mời Lê Quý T sinh năm 1984, trú tại Đông Lễ, Đông Hà, Quảng Trị, làm nghề lái xe dịch vụ, về làm việc.

Quá trình điều tra, Lê Quý T khai nhận: Từ tháng 01/2022, T được Hoàng Xuân N, sinh ngày 12/11/1980, trú tại thôn 1A, xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế - lúc đó đang làm nghề rửa xe, buôn bán tại chợ Ka Rôn - Lào đặt vấn đề về việc đưa người từ Đông Hà lên thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa để xuất cảnh trái phép sang Lào. N trao đổi với Tùng sẽ trực tiếp liên lạc hoặc với một người phụ nữ có số điện thoại 0813038016, sẽ trực tiếp liên hệ với T. Sau đó người phụ nữ dùng số điện thoại 0813038016 (Tùng lưu tên zalo là “Chị Lào”) và người phụ nữ có tài khoản zalo tên “Phiếu” (không có số điện thoại), nhắn tin và gọi điện cho T để cung cấp cho T biết về thời gian, số lượng người cần đưa qua Lào và số điện thoại của người lái xe để T chủ động nhận người. Ban đầu những người T chở lên Lao Bảo là người Việt Nam, đến khoảng giữa năm 2022 thì bắt đầu chở người Trung Quốc. Trong đó, T có nhiệm vụ đón người Trung Quốc được đưa từ miền Bắc đến Đông Hà rồi bố trí chỗ ăn, nghỉ đợi thời gian thích hợp sẽ đưa lên Lao Bảo giao cho người của N để xuất cảnh trái phép sang Lào hoặc đưa đến giao cho xe tải chở hàng do N chỉ định đỗ ở khu vực thành phố

Đông Hà đưa lên Lao Bảo giao cho N. Sau khi thống nhất hai bên thỏa thuận tiền công mỗi chuyến T chở người Trung Quốc lên Lao Bảo là 3.000.000đ, mỗi chuyến trung chuyển giao cho xe tải là 2.500.000đ, tiền ăn được tính trung bình khoảng 200.000đ/người/ngày, tiền thuê nhà nghỉ theo giá báo của chủ nhà nghỉ. Sau khi T đưa người Trung Quốc lên Lao Bảo sẽ giao lại cho người do N cử đến đón, N trả tiền công cho T bằng cách chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của T thông qua tài khoản chính chủ của N và vợ là Nguyễn Thị Bích N hoặc nhờ bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971, trú tại khóm Tây Chín, thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị chuyển tiền. Theo đó, từ tháng 01/2022 đến khi bị phát hiện, T đã nhiều lần tổ chức đưa những người Việt Nam và Trung Quốc lên Lao Bảo để xuất cảnh trái phép sang Lào. Trong đó có căn cứ xác định từ ngày 04/02/2023 đến ngày 06/02/2023, T có hành vi tổ chức xuất cảnh trái phép cho 35 người Trung Quốc để nhận tiền công, cụ thể như sau:

Chiều ngày 04/02/2023, Sau khi được Ndùng số điện thoại 0774564001 và người phụ nữ có khoản zalo có tên “Phiêu” liên lạc báo cho T biết sẽ có 11 người Trung Quốc khi vào sẽ có lái xe chủ động điện để T nhận người. Sau khi nhận được điện thoại của lái xe chở người từ miền Bắc vào thành phố Đông Hà, T sử dụng xe ô tô của mình biển kiểm soát 74A-106.66 của mình đón hai xe ô tô không nhớ biển kiểm soát tại khu vực quốc lộ 1A đoạn trước công viên Lê Duẩn - thành phố Đông Hà và chở 11 người Trung Quốc đến nghỉ tại nhà nghỉ Hong Kong, đợi đến tối thì chở số người trên lần lượt ba chuyến lên Lao Bảo giao cho người của N (T không rõ lai lịch của những người này).

Khoảng 16 giờ ngày 05/02/2023, N và người phụ nữ có tài khoản zalo tên “Phiêu” tiếp tục liên lạc với T cho biết sẽ có 09 người Trung Quốc vào thành phố Đông Hà. Sau khi nhận được điện thoại của lái xe, T tiếp tục sử dụng xe ô tô của mình đón, dẫn hai xe ô tô biển kiểm soát 30F-686.14, 88A-162.98 chở 09 người Trung Quốc tại khu vực quốc lộ 1A đoạn trước công viên Lê Duẩn, thành phố Đông Hà về nghỉ tại nhà nghỉ Hong Kong. Đến trưa ngày 06/02/2023, N và tài khoản zalo tên “Phiêu” liên lạc với Tùng đón thêm 03 người Trung Quốc ở khu vực gần trạm vé cũ thuộc xã Thanh An, Cam Lộ chở về nhà nghỉ Hong Kong. Sau đó, khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe ô tô của mình chạy 03 chuyến, mỗi chuyến chở 04 người tổng cộng 12 người (gồm 09 người đón vào chiều 05/02/2023 và 03 người vừa đón buổi trưa) giao cho Võ Đại V, sinh năm 1983, trú tại Kỳ Tân, Kỳ Anh, Hà Tĩnh là người lái xe tải chở hàng biển kiểm soát Lào “7879” đỗ tại khu vực cầu Phước Mỹ gần đại lý Toyota Quảng Trị thuộc địa phận xã Triệu Giang, Triệu Phong, Quảng Trị để Vận chở lên Lao Bảo giao cho người của N. T đã nhận 30.000.000đ tiền công (từ tài khoản của Nguyễn Thị Bích Nc là vợ của Hoàng Xuân N chuyển khoản vào tài khoản của Lê Quý T).

Khoảng 15 giờ cùng ngày 06/02/2023, T đón, dẫn 02 xe ô tô biển kiểm soát 30H-915.90 và 99A - 201.64 chở 12 người Trung Quốc đến nghỉ tại nhà nghỉ Hong Kong. Đến khoảng hơn 17 giờ cùng ngày, T điều khiển xe ô tô của mình đưa 04 người trong số 12 người Trung Quốc vừa đến lên Lao Bảo giao cho người của N, sau đó quay về để tiếp tục đưa 08 người còn lại lên Lao Bảo thì bị phát hiện, đưa về trụ sở Công an làm việc. Riêng đối với lần này T chưa nhận được tiền công.

Cáo trạng số: 22a/CT-VKS-P1 ngày 20/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố bị cáo Lê Quý T về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo điểm a khoản 3 Điều 348 BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Quý T phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Quý T từ 07 năm đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 13/02/2023 đến ngày 06/10/2023.

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 8000 4G màu đen, IMEI1: 356945110036262; IMEI2: 356945110531262 bên trong có gắn thẻ sim mobifone 4G số seri: 8401201133142259 và 01 thẻ sim vinaphone số seri: 89840200011226835641; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A12 màu xanh; số kiểu máy SM-A12F/DS số seri: R58RB2AAV6T; IMEI1: 354312132029340; IMEI2: 355235622029349 bên trong có gắn thẻ sim Viettel 4G số seri 8984048000337369090 và 01 thẻ sim vinaphone số seri 89840200011255558080; 01 xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA số loại VIOS E, màu sơn trắng, biển kiểm soát 74A-106.66 số máy 02NR497003; số khung 3F33K5075692 và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 022006 của xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA biển kiểm soát 74A-106.66 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 23/10/2019 mang tên Lê Quý Tùng; 01 thẻ nhớ màu đen ký hiệu MIXIE Micro SD 32GB.

- Trả lại cho bị cáo: 01 thẻ ATM số thẻ 9704186920000422777 của ngân hàng BIDV tên chủ thẻ Lê Quý T, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Buộc bị cáo Lê Quý T nộp số tiền 30.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Từ ngày 04/2/2023 đến ngày 06/02/2023 bị cáo Lê Quý T đã có hành vi tổ chức cho 35 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép từ Việt Nam qua Lào để nhận tiền công. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật hình sự, với tình tiết định khung *“đối với 11 người trở lên”*. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố bị cáo Lê Quý T là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh ở biên giới Việt Nam, mà còn xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, làm giảm hiệu quả và hiệu lực quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh ở Việt Nam. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích vụ lợi đã bất chấp, tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án thật nghiêm mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung tội phạm này trong tình hình hiện nay.

[4]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng *“phạm tội 02 lần trở lên”* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ *“thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”* quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, hoàn cảnh gia đình bị cáo hết sức khó khăn (có xác nhận của khu phố Lương An và UBND phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị) nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp *“phạm tội chưa đạt đã hoàn thành”* quy định tại Điều 15 Bộ luật hình sự. Bởi vì, bị cáo bị phát hiện bắt quả tang khi đang ở lãnh thổ Việt Nam chưa đưa người qua biên giới nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt quy định tại Điều 57 Bộ luật hình sự.

[5]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung; 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios BKS 74A.106.66 do bị cáo sử dụng vào hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 thẻ nhớ; 01 thẻ ATM (bên trong tài khoản có số dư 71.924.740 đồng) không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ 01 thẻ ATM để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền 30.000.000 đồng mà bị cáo Lê Quý Tùng nhận tiền công, đây là số tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[6]. Đối với những đối tượng có liên quan:

- Đối với Hoàng Xuân N: Theo lời khai của Lê Quý T, N là người liên hệ thuê T nhận người Trung Quốc để tổ chức giao cho người của N đưa qua Lào, tuy nhiên quá trình điều tra không đủ căn cứ để xác định N tổ chức đưa người trái phép qua biên giới, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, khi nào đủ căn cứ thì xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Vàng Hoàng Y: Từ lời khai của Lê Quý T và các chứng cứ khác xác định được người sử dụng số điện thoại 0813038016, tài khoản zalo tên “Phiêu” và các tài khoản ngân hàng đứng tên chủ sở hữu Vàng Hoàng Y là những đối tượng tổ chức đưa những người Trung Quốc từ miền Bắc vào Quảng Trị để đưa xuất cảnh trái phép sang Lào. Tuy nhiên, Vàng Hoàng Y không có mặt tại địa phương, quá trình điều tra không đủ căn cứ xác định người sử dụng số điện thoại 0813038016, tài khoản zalo tên “Phiêu” là Vàng Hoàng Y. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Võ Đại V: Quá trình làm việc xác định Vận được Hoàng Xuân N thuê đón, đưa 12 người Trung Quốc từ Lê Quý T vào trưa ngày 06/02/2023 rồi chở lên Lao Bảo nhưng không có căn cứ thể hiện Vận biết việc người Trung Quốc sau đó được xuất cảnh trái phép như thế nào nên chưa đủ căn cứ để khởi tố V về hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép để xử lý trong vụ án này mà Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, khi nào đủ căn cứ thì xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Lê Văn Q - Quản lý nhà nghỉ Hong Kong: Kết quả điều tra xác định Quỳnh có tiếp nhận, cho thuê phòng nghỉ đối với những người Trung Quốc không có giấy tờ tùy thân do Lê Quý T đưa đến để lấy tiền cho thuê là vi phạm trong công tác quản lý lưu trú. Tuy nhiên, không có căn cứ thể hiện việc Q biết T sẽ đưa những người này xuất cảnh trái phép, nên không có căn cứ xác định vai trò, mức độ liên quan của Quỳnh trong vụ án này.

- Đối với Nguyễn Thị Bích N: Kết quả điều tra thể hiện Nguyễn Thị Bích N chuyển cho Lê Quý T. Nhưng không có căn cứ thể hiện việc N liên quan như thế nào đến việc tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép của Lê Quý T, cũng như hành vi thuê T chở người Trung Quốc từ Đông Hà lên Lao Bảo của Hoàng Xuân N nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Nguyễn Thị T: Qua làm việc xác định T có chuyển tiền cho T do Hoàng Xuân N nhờ, nhưng không biết tiền này là trả công cho T chở người Trung Quốc xuất cảnh trái phép. Do đó, không có căn cứ xem xét xử lý trong vụ án này.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

[8]. Cần tiếp tục thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Lê Quý T.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Quý T phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Quý T: 07 (bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 13/02/2023 đến ngày 06/10/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 8000 4G màu đen, IMEI1: 356945110036262; IMEI2: 356945110531262 bên trong có gắn thẻ 01 sim mobifone 4G số seri 8401201133142259 và 01 thẻ sim vinaphone số seri 89840200011226835641; điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy A12 màu xanh; số kiểu máy SM-A125F/DS; số seri R58RB2AAV6T; IMEI1: 354312132029340; IMEI2: 355235622029349 bên trong có gắn 01 thẻ sim Viettel 4G số seri 8984048000337369090 và 01 thẻ sim vinaphone số seri 89840200011255558080; điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- 01 xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS E, màu sơn trắng, biển kiểm soát 74A-106.66 số máy: 02NRX497003; số khung: 3F33K5075692; xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 022006 của xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA biển kiểm soát 74A-106.66 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 23/10/2019.

* Trả lại cho bị cáo:

- 01 thẻ ATM số thẻ 9704186920000422777 của ngân hàng BIDV, tên chủ thẻ: LE QUY TUNG, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 thẻ nhớ màu đen ký hiệu MIXIE Micro SD 32GB.

(Vật chứng trên hiện có tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/4/2026 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Trị với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị).

* Buộc bị cáo Lê Quý T phải nộp số tiền 30.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

3. Về Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Quý T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Q, ông N có quyền kháng cáo phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N, ông V, bà T có quyền kháng cáo phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị; (ANĐT)
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Người TGT;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Phước

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa**

Phan Thị Gái

Lê Vĩnh Huệ

Phan Hồng Phước

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị; (ANĐT)
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Phước

* Vật chứng thu giữ:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 8000 4G màu đen, IMEI1: 356945110036262; IMEI2: 356945110531262; bên trong gắn một thẻ sim mobifone 4G có số sêri: 8401201133142259 và một thẻ sim vinaphone số sê ri: 89840200011226835641.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy A12 màu xanh; số kiểu máy: SM-A125F/DS; số sê ri: R58RB2AAV6T; IMEI1: 354312132029340; IMEI2: 355235622029349; bên trong gắn một thẻ sim Viettel 4G số sê ri: 8984048000337369090 và một thẻ sim vinaphone số sê ri: 89840200011255558080.

+ 01 (một) thẻ ATM số thẻ: 9704186920000422777 của Ngân hàng BIDV, tên chủ thẻ: LE QUY TUNG.

+ 01 (một) xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, số loại: VIOS E, màu sơn trắng, biển kiểm soát: 74A-106.66; số máy: 2NRX497003; số khung: 3F33K5075692, xe đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong.

+ 01 (một): giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 022006 của xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA biển kiểm soát 74A-106.66 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 23/10/2019.

+ 01 (một) thẻ nhớ màu đen ký hiệu MIXIE Micro SD 32GB nằm trong camera hành trình của xe ô tô biển kiểm soát 74A-106.66.